

Bản án số: 08/2025/HNGĐ - PT

Ngày 22 - 4 - 2025

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nam

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Hương và ông Trần Anh Tuấn;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyền Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyền Quang: Bà Nguyễn Thị Linh

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyền Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 04/2025/TLHNGĐ – PT ngày 06 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 330/2024/HNGĐ-ST, ngày 20/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2025/QĐ-PT, ngày 02 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 2004;

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Tuyền Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt;

2. Bị đơn: Anh Ma Văn T, sinh năm 2001;

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Tuyền Quang; có mặt tại phiên tòa;

3. Người kháng cáo: Bị đơn anh Ma Văn T;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Ma Văn T tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới, hỏi theo phong tục tập quán vào năm 2019, sau khi cưới chị H và anh T sống cùng bố mẹ đẻ anh T tại thôn T, xã T, huyện C. Đến năm 2022 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tuyền Quang theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 20 ngày 20 tháng 6 năm 2022 và chị H anh T tiếp tục chung sống cùng bố mẹ đẻ anh T. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc không có phát sinh mâu thuẫn. Chị H xác định từ cuối năm 2022 thì giữa chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị H cho rằng giữa chị H và anh T không có tiếng nói chung, anh T không quan tâm đến chị H và con, hay ghen

tuông, chửi bới nên dẫn đến chị H và anh T thường xuyên xảy ra cãi vã không thể chung sống hòa thuận được. Chị H và anh T đều đi làm công ty, có thu nhập nhưng hầu như mọi chi phí chăm lo cho con đều do chị H gửi tiền về cho ông bà nội chăm con và chi phí sinh hoạt của anh chị đều do chị H gánh vác, anh T không hỗ trợ chị H về kinh tế để chăm lo gia đình. Gia đình hai bên đều biết mâu thuẫn giữa chị H và anh T, có khuyên bảo để khắc phục mâu thuẫn, nhưng chị H nhận thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, không thể hàn gắn. Chị H và anh T đã sống ly thân từ tháng 4/2024. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Ma Văn T.

- Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị H và anh T có một con chung là cháu Ma Đức N, sinh ngày 30/4/2020. Hiện cháu đang ở cùng với bố mẹ đẻ của anh T tại thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Ma Văn T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Ma Văn T và chị Nguyễn Thị H tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương vào năm 2019, sau cưới anh T và chị H sống cùng bố mẹ đẻ anh T tại thôn T, xã T. Đến năm 2022 thì anh T và chị H đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 20 ngày 20 tháng 6 năm 2022 và tiếp tục chung sống cùng bố mẹ đẻ của anh T. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc không có phát sinh mâu thuẫn, anh T xác định đến khoảng năm 2023 thì anh T và chị H phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn anh T cho rằng trong thời gian anh T và chị H đi làm công ty ở tỉnh Bắc Ninh, anh T có nghi ngờ chị H có mối quan hệ khác ở bên ngoài, nên dẫn đến giữa anh T và chị H hay xảy ra cãi vã mặc dù được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng anh T và chị H không khắc phục được mâu thuẫn. Anh T và chị H đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Anh T xác định tình cảm giữa chị H và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H yêu cầu xin ly hôn tại Tòa án, anh T nhất trí ly hôn với chị H.

- Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị H và anh T có một con chung là cháu Ma Đức N, sinh ngày 30/4/2020. Hiện cháu đang ở cùng với bố mẹ đẻ của anh T tại thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Khi ly hôn, anh T có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 330/2024/HNGĐ-ST ngày 20/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 143, 144, 147; các Điều 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về Hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Ma Văn T.

Về con chung: Giao cháu Ma Đức N, sinh ngày 30/4/2020 cho chị Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Ma Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí vụ án và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/12/2024 và ngày 09/01/2025, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá nhận được đơn kháng cáo của bị đơn anh Ma Văn T, kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 330/2024/HNGĐ-ST, ngày 20/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá với lý do: Chị Nguyễn Thị H đang cùng mẹ ruột là bà Lưu Thị M đang sinh sống cùng bố dượng ông Quan Văn T1, Con tôi cháu Ma Đức N đã và đang sinh sống cùng anh từ nhỏ đã ở cùng với ông bà nội, đang học quen môi trường, trường lớp, anh T sợ việc thay đổi môi trường sẽ ảnh hưởng đến việc học của con sau này. Con anh thuộc giới tính nam, việc giáo dục cho con sẽ tốt hơn, chị H còn rất trẻ, sau này lập gia đình mới có còn chăm sóc con tốt hay không. Về thu nhập của anh cũng cao hơn nên anh đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giải quyết cho anh trực tiếp nuôi con. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn anh Ma Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giao con chung là cháu Ma Đức N cho anh T được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn anh Ma Văn T là hợp lệ trong hạn luật định. Nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Ma Văn T: Nguyên vọng nuôi con của anh T là chính đáng, tuy nhiên việc giao con cho ai phải đảm bảo quyền và lợi ích cho cháu bé được trọn vẹn nhất. Cả hai bước đầu đều có thu nhập và nhà cửa sinh sống cùng bố mẹ, cháu Ma Đức N, sinh ngày 30/4/2020, hiện tại hơn 04 tuổi, cháu còn quá nhỏ, cần nhận được sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ, có như vậy mới đảm bảo quyền lợi của cháu bé nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh T.

Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Ma Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 330/2024/HNGĐ-ST, ngày 20/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá.

Về án phí phúc thẩm: Anh Ma Văn T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn anh Ma Văn T là hợp lệ trong hạn luật định. Nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về sự vắng mặt của chị Nguyễn Thị H tại phiên tòa phúc thẩm, chị H đã có đơn xét xử vắng mặt. Căn cứ căn Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H theo quy định.

[2] Về nội dung kháng cáo của anh Ma Văn T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Ma Đức N, sinh ngày 30/4/2020, Hội đồng xét xử thấy rằng: Về quan hệ con chung anh T và chị H có một con chung Ma Đức N, sinh ngày 30/4/2020, anh T và chị H đều có nguyện vọng nuôi dưỡng. Xét về điều kiện nuôi con: Anh Ma Văn T và chị Nguyễn Thị H đều đi làm xa nhà, hiện nay cả anh chị đang làm công nhân tại công ty TNHH C tại tỉnh Bắc Ninh, anh T có mức thu nhập khoảng 13.000.000 đồng, chị H có mức thu nhập khoảng 10.000.000 đồng, mức thu nhập của chị H và anh T đều tương đương nhau, nên điều kiện nuôi con của chị H và anh T là như nhau.

Kết quả xác minh tại địa phương xác định việc nuôi con đối với cháu Ma Đức N đều do bố đẻ của anh T là ông Ma Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chị H và anh T đều đi làm công ty tại tỉnh Bắc Ninh nên thỉnh thoảng mới về thăm con. Hiện cháu N mới gần 05 tuổi nên cần sự chăm sóc của người mẹ, để đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt và tâm sinh lý của cháu N, Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, anh T không có tài liệu, chứng cứ nộp bổ sung so với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập tại giai đoạn giải quyết sơ thẩm. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh T, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau này anh T có quyền làm đơn khởi kiện yêu cầu thay đổi quyền nuôi con sau khi ly hôn khi có căn cứ chứng minh rằng chị H không có đủ khả năng nuôi con theo quy định tại điều 84 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của anh Ma Văn T không được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Ma Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 330/2024/HNGĐ-ST, ngày 20/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá như sau:

2. Về con chung: Giao cháu Ma Đức N, sinh ngày 30/4/2020 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Ma Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung (Do chị H chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí phúc thẩm: Anh Ma Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000754 ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 22/4/2025).

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND thành phố Tuyên Quang;
- Chi Cục THADS tp Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Nam

